

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 102/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: anh **Mai Xuân T** - Sinh năm: 1983– Nghề nghiệp: Đi biển
Thường trú tại: tổ 16A phường M, quận S, Đà Nẵng.

Bị đơn: chị **Phạm Thị L** - Sinh năm: 1989 – Nghề nghiệp: Buôn bán
Thường trú tại: tổ 4 phường M, quận S, Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị L và anh Mai Xuân T (theo giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 01 ngày 22/10/2014 tại UBND phường M, quận S, Đà Nẵng)

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Mai Xuân T và chị Phạm Thị L thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh T xác định có 02 con: Mai Xuân L - sinh ngày: 19/4/2009, Mai Xuân L1 - sinh ngày: 03/9/2014. Ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu Mai Xuân L1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, giao cháu Mai Xuân L cho chị L nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn đ- ợc thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai đ- ợc ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền, lợi ích con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi ng- ời nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp d- ỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Hai bên xác định không có
- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) anh T, chị L mỗi ng- ời phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Nh- ng anh T tự nguyện chịu, đ- ợc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001730 ngày 08/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

Hoàn trả cho anh Mai Xuân T số tiền 150.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001730 ngày 08/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Tr- ờng hợp quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND q. Sơn Trà;
- Chi cục THA q. Sơn Trà;
- UBND phường M, quận S, ĐN
- L- u HS.

THẨM PHÁN

TRẦN THỊ BÉ